

Bản án: 41/2024/KDTM-PT
Ngày 15 tháng 7 năm 2024
V/v tranh chấp giữa Công ty với
thành viên của Công ty về giao trả
tài sản Công ty.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Bà Trần Thị Thuý Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2024/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp giữa Công ty với thành viên của Công ty về giao trả tài sản công ty”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1796/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2079/2024/QĐPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần T1.

Địa chỉ: C L, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Kiều G, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 1 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Ông Trần Thúc L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số A đường A, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Nhật Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 2 T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người kháng cáo: Ông Trần Nhật Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 24 tháng 7 năm 2017; đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 12/7/2023, lời khai trong quá trình giải tham gia tố tụng của đại diện nguyên đơn - Công ty Cổ phần T1 trình bày:

Công ty Cổ phần T1 (Nay là Công ty Cổ phần T1) (Sau đây gọi tắt là Công ty) thành lập tháng 6/2016 gồm 3 thành viên là ông Trần Nhật Q, ông Hoàng Hữu V và bà Phan Ngọc C.

Ngày 27/6/2016 Công ty Cổ phần T1 bổ nhiệm Giám đốc Công ty là ông Trần Nhật Q (Quyết định số 01/2016)

Ngày 31/8/2016, Công ty tiến hành họp hội đồng quản trị quyết định mua xe hơi 5 chỗ, hiệu Suzuki Vitara, giá 739.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu đồng) để phục vụ cho nhu cầu đi lại của nhân viên Công ty.

Hình thức mua: Trả trước một phần tiền 149.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng) và phần còn lại 590.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi triệu đồng) vay Ngân hàng T2 (Ngân hàng TMCP T3 - chi nhánh Thành phố H - tại D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) bằng hình thức trả góp hàng tháng, thế chấp bằng chính chiếc xe Suzuki Vitara. Thời gian trả góp: 60 tháng.

Ngày 31/8/2016 Hội đồng quản trị Công ty họp và quyết định cử ông Trần Nhật Q là người đứng tên chủ sở hữu cá nhân xe thay cho Công ty.

Ngày 01/9/2016 ông Trần Nhật Q ký hợp đồng mua bán xe ô tô qua Ngân hàng với Công ty Cổ phần S tại 510 Quốc lộ A, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng số 610-8/HĐMB/SGNS-510QL)

Ngày 14/9/2016 ông Q làm thủ tục vay Ngân hàng 590.000.000 đồng. (Hợp đồng cho vay ngày 14/9/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 14/9/2016).

Công ty đã chuyển tiền vào tài khoản của ông Trần Nhật Q để thanh toán tiền mua xe trả góp và lãi suất cho Ngân hàng T3 đến hết tháng 01/2017 tổng cộng: 317.607.700 đồng và 11.085.000 đồng tiền bảo hiểm xe cơ giới. Tổng cộng: 328.692.700 đồng.

Từ ngày 26/12/2016 ông Trần Nhật Q tự ý bỏ Công ty không đến làm việc mà không có lý do. Sau đó, ông Q đã tự ý làm thủ tục giao xe ô tô Suzuki Vitara, biển số 51F-796.75 - tài sản của Công ty cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T3 (T4) mà không có sự thông qua và đồng ý từ phía Công ty và các cổ đông của Công ty.

Công ty đã có Công văn gửi đến ông Trần Nhật Q nhiều lần vào các ngày 27/3/2017; 03/4/2017; 14/4/2017 để yêu cầu ông Q quay lại Công ty để bàn giao tài sản sở hữu của Công ty mà ông đang đứng tên đại diện là xe Suzuki Vitara, biển số 51F-796.75 nhưng không thấy ông phản hồi.

Ngày 10/3/2017 Công ty C1 gửi T4 đề thương lượng và tiếp tục đóng khoản tiền Công ty còn nợ Ngân hàng để giữ lại xe cho Công ty sử dụng nhưng Ngân hàng không hợp tác.

Hiện nay chiếc xe Suzuki Vitara, biển số 51F-796.75 đã được ông Q bán cho người khác. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Trần Nhật Q trả lại cho nguyên đơn giá trị chiếc xe Suzuki Vitara, biển số 51F-796.75 là 328.692.700 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định lại: chỉ yêu cầu ông Q trả 294.221.851 trên cơ sở hóa đơn chứng từ.

Tại bản tự khai ngày 01/12/201, bị đơn – ông Trần Nhật Q trình bày:

Từ ngày 26/12/2016, ông đã ngừng làm việc tại Công ty V1 không đồng lòng với cách quản lý tài chính cũng như cách đối xử của lãnh đạo với nhân viên. Cùng ngày, ông hoàn tất chuyển giao vị trí đại diện theo pháp luật cho bà Phan Ngọc C. Từ ngày 01/01/2017, đến đầu tháng 03/2017 ông đã nhắc nhở Công ty về việc hoàn tất nghĩa vụ tài chính với ông và lãi vay hàng tháng của T4 nhưng Công ty không đóng lãi đúng hạn nên T4 làm việc với ông về xe Suzuki Vitara biển số 51F-796.75. Do đó, ông buộc phải ủy quyền cho T4 bán xe, kết thúc hợp đồng vì không còn đủ năng lực tài chính để trả lãi vay hàng tháng mà đáng lẽ Công ty phải trả hàng tháng. Đến tháng 3/2017 bán xe xong thanh lý thì T4 giao cho ông 24.000.000 còn dư, hiện ông vẫn đang giữ số tiền này.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1796/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần T1 về:

Buộc ông Trần Nhật Q phải trả cho Công ty Cổ phần T1 số tiền 294.221.851 đồng (Hai trăm chín mươi bốn triệu hai trăm hai mươi một ngàn tám trăm năm mươi một đồng) làm một lần ngay khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1 về:

- Ông Trần Nhật Q phải bàn giao tài sản sở hữu của Công ty mà ông đứng tên cá nhân là xe Suzuki Vitara, biển số 51F-796.75 cho Công ty Cổ phần T1 làm chủ sở hữu.

- Ngân hàng tiếp tục cho Công ty Cổ phần T1 vay tiền theo hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản với thời hạn và khoản tiền đã duyệt cho ông Trần Nhật Q vay, khoản tiền gốc và lãi từ tháng 02/2017 Công ty Cổ phần T1 sẽ đóng đủ và sẽ đóng tiếp theo thời hạn còn lại của hợp đồng vay.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 23/11/2023, ông Trần Nhật Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 1796/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

- Bị đơn trình bày yêu cầu kháng cáo như sau: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do: Nguyên đơn đã cố ý không thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ tài chính theo thỏa thuận từ đầu bằng văn bản với bị đơn; không tự nguyện hợp tác xử lý sự việc với đại diện Ngân hàng về việc xử lý nợ đến hạn; bị đơn đã dùng tiền của cá nhân để thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho nguyên đơn bằng hình thức trả tiền mặt cho Ngân hàng; bị đơn chưa từng có mục đích sở hữu riêng tài sản tranh chấp với nguyên đơn, không có nhu cầu mua lại tài sản đó, cũng không có nhu cầu sử dụng vào công việc đi lại riêng; bị đơn không cố ý bán tài sản mà phải thực hiện theo đề xuất của Ngân hàng do không còn giải pháp nào khác.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: Không đồng ý với trình bày và yêu cầu kháng cáo trên của bị đơn. Vì bị đơn không báo cáo về việc xử lý nợ với Công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận: Các bên đương sự không ai tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1796/2023/KDTM-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C2, đăng ký lần đầu 27/6/2016, đăng ký thay đổi lần thứ nhất thì Công Ty Cổ phần T1 có ông Trần Nhật Q là người đại diện theo pháp luật. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09/6/2017, Công ty được đổi tên thành Công Ty Cổ phần Tập đoàn V2. Theo điều lệ của Công ty thì ông Trần Nhật Q là cổ đông sáng lập và có 600.000 cổ phần tương ứng, chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ. Công ty khởi kiện yêu cầu ông Trần Nhật Q trả cho Công ty khoản tiền Công ty đã nộp mua xe và đóng cho Ngân hàng, tiền bảo hiểm xe cơ giới, tổng cộng 294.221.851 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp giữa Công

ty với thành viên của Công ty về giao trả tài sản Công ty” và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tụng tố dân sự.

[2] Về kháng cáo của bị đơn – ông Trần Nhật Q yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

[2.1] Ngày 31/8/2016, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần T1 họp và quyết định mua xe ô tô phục vụ cho công việc của Công ty, thời điểm này ông Q là người đại diện theo pháp luật. Nội dung cuộc họp đã thống nhất về đối tượng đứng tên giấy tờ xe như sau: *“Xe Suzuki Vitara khi mua sẽ giao trách nhiệm cho cá nhân ông Trần Nhật Q đứng tên làm chủ sở hữu xe và thực hiện các thủ tục cần thiết khi mua và nhận xe. Sau khi hoàn thành các thủ tục mua và nhận xe, ông Trần Nhật Q có trách nhiệm giao xe lại cho Công ty T1 dưới hình thức giao cho cá nhân đứng tên tài sản công ty”*. Các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất 100% và ban hành Quyết định số 28.2016/QĐ/HC-VNFF ngày 09/9/2016.

[2.2] Trên cơ sở cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 31/8/2016, ngày 01/9/2016, ông Trần Nhật Q đã ký hợp đồng mua bán xe ô tô qua Ngân hàng số 610-8/MB/SGNS-510 ngày 01/9/2016 với Công ty Cổ phần S. Nội dung mua xe ô tô hiệu Suzuki Vitara 05 chỗ, nhập khẩu C màu trắng ngà, nóc đen, giá 739.000.000đ.

[2.3] Công ty K đã chuyển tiền để mua xe tổng cộng là 294.221.851đ, trong đó một lần chuyển vào tài khoản Công ty Cổ phần S số tiền 11.085.000đ và những lần còn lại (05 lần) từ 08/9/2016 đến 16/01/2017 chuyển vào tài khoản cá nhân ông Q. Căn cứ chứng cứ các lần chuyển tiền do Công ty G1 phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của Công ty và tại Bản tự khai ngày 01/12/2017 của ông Q đã khai: *“Do Công ty không trả lãi đều nên ông đã ủy quyền cho ông T thực hiện bán xe để trả tiền cho Ngân hàng. Việc bán xe đã xong, ông T đã giao trả cho ông 24 triệu đồng còn dư và thanh lý hợp đồng với Ngân hàng.”*

[2.4] Như vậy, có cơ sở xác định số tiền Công ty đã chuyển khoản cho ông Q và Công ty Cổ phần S số tiền mua xe ô tô hiệu Suzuki Vitara 05 chỗ tổng cộng là 294.221.851. Xe là tài sản của Công ty, khoản nợ vay Ngân hàng để mua xe cũng là của Công ty. Tuy nhiên, ông Q đã tự ý quyết định ủy quyền cho người khác bán xe và thanh lý hợp đồng tín dụng với Ngân hàng mà không có sự đồng ý của Công ty. Do đó, việc Công ty khởi kiện yêu cầu ông Q trả lại cho công ty số tiền 294.221.851 đồng là phù hợp qui định tại Điều 197 Bộ luật dân sự 2005. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.5] Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do nguyên đơn không thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ tài chính theo thỏa thuận ban đầu với bị đơn, không tự nguyện hợp tác xử lý nợ với phía Ngân hàng. Bị đơn không cố ý bán tài sản của Công ty mà bị đơn thực hiện theo đề xuất của Ngân hàng, do không còn giải pháp nào khác là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, được chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí KDTM phúc thẩm 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo qui định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 197, Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005 ; Điều 306 Luật Thương mại; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - ông Trần Nhật Q.

2. Giữ nguyên bản án số 1796/2023/KDTM-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1. Buộc ông Trần Nhật Q phải trả cho Công ty Cổ phần T1 số tiền 294.221.851 đồng (Hai trăm chín mươi bốn triệu hai trăm hai mươi một ngàn tám trăm năm mươi một đồng) làm một lần ngay khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

2.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1 về việc : Buộc ông Trần Nhật Q phải bàn giao tài sản sở hữu của Công ty mà ông đứng tên cá nhân là xe Suzuki Vitara, biển số 51F-796.75 cho Công ty Cổ phần T1 làm chủ sở hữu; buộc Ngân hàng tiếp tục cho Công ty Cổ phần T1 vay tiền theo hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản với thời hạn và khoản tiền đã duyệt cho ông Trần Nhật Q vay, khoản tiền gốc và lãi từ tháng 02/2017 Công ty Cổ phần T1 sẽ đóng đủ và sẽ đóng tiếp theo thời hạn còn lại của hợp đồng vay.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Trần Nhật Q phải chịu 14.711.093 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm mười một ngàn không trăm chín mươi ba đồng).

Công ty Cổ phần T1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. H lại Công ty Cổ phần T1 16.780.000 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0047685 ngày 15/9/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn - ông Trần Nhật Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000đ (hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Q đã nộp theo Biên lai thu số 31502 ngày 02/01/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cản trừ, bị đơn đã nộp đủ án phí KDTM phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao ;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa